

Bản án số: 25/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 15 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Bà Nguyễn Thị Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải- Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Đông Ch, sinh năm 1960;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Số 9 ngõ 17/131 phố PT, thị trấn P, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn là ông Bùi Đông Ch thì: Ông và bà L kết hôn với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội vào ngày 06/4/1988. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên không có hạnh phúc. Tuy nhiên, vì truyền thống gia đình và vì muốn giữ cho các con một gia đình hoàn chỉnh nên cả hai đều cố gắng chịu đựng lẫn nhau. Dù đã cùng cố gắng nhưng do tính tình hai bên quá khác biệt vợ chồng không hiểu nhau và không chia sẻ được với nhau những vấn

đề trong cuộc sống. Mâu thuẫn liên tục xảy ra, nhiều lần hai bên gia đình phải giúp đỡ hàn gắn. Tháng 3 năm 2020, vợ chồng lại mâu thuẫn, bà L bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Ông đã chủ động gọi bà L về và còn nhờ cả người thân tác động để bà L quay về chăm sóc ông nhưng bà L lấy lý do là phải trông cháu cho các con đi làm nên chỉ thỉnh thoảng cần lấy đồ dùng gì ở nhà thì mới về rồi lại đi ngay, nhất định không chịu về sống cùng với ông. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà L.

- Theo lời trình bày của bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết L thì: Bà và ông Ch kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào ngày 06/4/1988. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Ch có tình cảm với người khác nên về nhà chê trách bà đủ điều, so sánh bà với người khác. Bà cảm nhận được điều đó nên càng cố gắng sống tốt hơn, chăm sóc ông Ch và lo toan công việc của gia đình chu toàn hơn để mong ông Ch vui vẻ nhưng ông Ch không nhìn nhận đến sự cố gắng của bà và luôn tạo ra sự mâu thuẫn, thường xuyên xỉ nhục coi thường bà, có khi còn đánh đập bà để nhằm mục đích khiến cho bà không chịu đựng được mà chủ động xin ly hôn. Mặc dù bị bạo hành cả về thể xác và tinh thần như vậy nhưng vì các con nên bà vẫn chấp nhận duy trì cuộc sống vợ chồng với ông Ch. Suốt từ đó cho đến nay cuộc sống chung giữa bà và ông Ch thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì những điều rất nhỏ nhặt trong cuộc sống. Nhiều lần mâu thuẫn, cả hai bên không giữ được bình tĩnh và đã có những lời nói xúc phạm đến nhau. Vào ngày 16/3/2020, trong một lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà cũng có lời nói xúc phạm đến ông Ch, ông Ch cảm điều cay đắng đánh bà, và liên tục có lời nói dọa giết bà. Nhân dịp đó do ảnh hưởng của dịch bệnh nên bà đi đến nhà con gái ở để trông cháu ngoại và tránh khỏi sự đe dọa của ông Ch. Sau khi bà đi, ông Ch nhiều lần gọi điện bắt bà phải về nhưng bà bận trông cháu nên không về, bà chỉ về khi gia đình có công việc phải sắp xếp, dọn dẹp. Sau đó, vợ chồng con trai bà lại đi thuê nhà để tiện đi làm nên bà lại đến ở với con trai để trông cháu. Trong suốt thời gian đó ông Ch liên tục nhờ họ hàng, bạn bè tác động để gọi bà về nhưng khi bà về thì ông Ch đặt điều kiện yêu cầu ông, bà họ hàng bên nhà bà phải đưa về và có lời xin lỗi thì mới đồng ý cho bà về. Vì vậy, bà không muốn quay về nữa. Dù vợ chồng rất nhiều mâu thuẫn và không có hạnh phúc nhưng ông Ch xin ly hôn bà cũng không đồng ý ly hôn vì tuổi tác bà đã cao, các con đã lớn, ông bà đã có đầy đủ cháu nội, ngoại. Tuy nhiên, nếu ông Ch cứ nhất quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của ông Ch theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Cả ông Ch và bà L đều khẳng định vợ chồng có 03 con chung là Bùi Lan H, sinh năm 1988, Bùi Hương Gi, sinh năm 1992 và Bùi Minh Th, sinh năm 1995. Các con của ông bà đều đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng có đủ khả năng và năng lực tự lo cho cuộc sống của họ nên ông, bà không đề nghị giải quyết về nghĩa

vụ đối với con chung.

Về tài sản chung: Ông Ch và bà L đều thống nhất thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung như xây dựng nhà cửa trên đất của bố mẹ đẻ ông Ch và mua sắm các vật dụng sinh hoạt trong gia đình nhưng cả hai ông, bà đều có nguyện vọng sẽ tự thỏa thuận để giải quyết với nhau, chưa đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu việc tự thỏa thuận mà không thống nhất được thì sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản của vợ chồng sau.

Tại phiên tòa: Cả ông Ch và bà L đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đông Ch, cho ông Ch ly hôn bà L. Về con chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí, ông Bùi Đông Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Ông Bùi Đông Ch khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết L có hộ khẩu thường trú tại huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân huyện ĐP thụ lý đơn khởi kiện của ông Ch và xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” là phù hợp với quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ông Bùi Đông Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết L đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do cả ông Ch và bà L đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án không đưa những người có liên quan đến tài sản vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Đông Ch thấy: Ông Ch và bà L kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội ngày 06/4/1988, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, cả ông Ch và bà L đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không có cùng quan điểm, không đồng cảm và chia sẻ được với nhau trong cuộc sống chung, không trân trọng những cố gắng của nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc trong thời gian dài. Ông Ch xin ly hôn, tuy bà L không đồng ý ly hôn nhưng bản thân bà cũng thừa nhận bà với ông Ch sống với nhau không hạnh phúc, bà luôn là người phải chịu đựng và nhẫn nhịn. Lý do bà không đồng ý ly hôn là vì giữ gìn hình ảnh gia đình trọn vẹn cho các con. Từ đó có thể thấy tình trạng hôn nhân của ông, bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Ch và bà L ly hôn

[3] Về con chung: Ông Ch và bà L có ba con chung. Các anh, chị đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng, có cuộc sống ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

[4] Về tài sản chung: Ông Ch và bà L đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Bùi Đông Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đông Ch đối với bà Nguyễn Thị Tuyết L

1. Cho ly hôn giữa ông Bùi Đông Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết L
2. Về con chung và tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết
3. Về án phí: Ông Bùi Đông Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014427 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.
4. Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Đông Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐP;
- Chi cục THADS huyện ĐP;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã thị trấn P, H.ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

